**THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**(ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT NÔNG SẢN CÓ GIẤY
CHỨNG NHẬN HẾT HẠN)**

**a. Trình tự thực hiện** (Điều 18, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018):

**Bước 1**. Nộp hồ sơ

Cơ sở sản xuất nông sản (sau đây gọi tắc là cơ sở) chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi tắc là BPTNVTKQ) của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến tại dịch vụ công trực tuyến Thành phố Hồ Chí Minh (https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn) sau đó nộp bản chính.

- Địa chỉ: số 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian nhận hồ sơ: trong các ngày làm việc, từ thứ hai đến thứ sáu:

+ Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút

+ Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút

**Bước 2**. Tiếp nhận hồ sơ

BPTNVTKQ của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận và
kiểm tra hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: BPTNVTKQ của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hướng dẫn Cơ sở bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: BPTNVTKQ của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành văn bản thông báo nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ và trả lại hồ sơ.

  **Bước 3.** Xử lý hồ sơ

 Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định, xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP) trong 07 ngày làm việc (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B); hoặc tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận ATTP nếu đủ điều kiện trong thời hạn 15 ngày làm việc (trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại). Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận ATTP thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

 **Bước 4.** Trả kết quả

 Cơ sở căn cứ vào giấy hẹn nhận kết quả giải quyết tại BPTNVTKQ của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút và buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

 **b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện tới Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

 **c. Thành phần, số lượng hồ sơ** (Điều 18, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018):

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo thủ tục này;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục II ban hành kèm theo thủ tục này.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết**:

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện thẩm tra
hồ sơ thẩm định, xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP) nếu đủ điều kiện (đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B);

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục thực hiện kiểm tra
hồ sơ và tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận ATTP nếu đủ điều kiện (đối với cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại).

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn.

**g. Kết quả thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc văn bản trả lời không cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**h. Phí:** (Thông tư số 44/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung các khoản thu** | **Đơn vị tính** | **Mức thu (đồng)** |
| 1 | Thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP | 1 lần/ cơ sở | 700.000 |
| 2 | Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm | 1 lần/ cơ sở | 350.000 |

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo thủ tục này;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục II ban hành kèm theo thủ tục này.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2011; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về **quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm;** có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2018.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính; có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2018.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định việc thẩm định, chứng nhận
cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn”. Hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2019.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài Chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 06 năm 2018.

- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2019.

- Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Hiệu lực
thi hành kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2018.

**PHỤ LỤC I**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**
*(Ban hành kèm theo phụ lục V, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

*………, ngày….. tháng…. năm….*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:...............................................................................

...................................................................................................................................

2. Mã số (nếu có): .......................................................................................................

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:...........................................................................

...................................................................................................................................

4. Điện thoại ……………………. Fax …………………

Email ………………………………..

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập: .................................................

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị ………………………. *(tên cơ quan có thẩm quyền)*……….. cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

 Lý do cấp lại: ..............................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Hồ sơ gửi kèm:**---… | **Đại diện cơ sở***(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC II**

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**
*(Ban hành kèm theo phụ lục VI, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------**

*………, ngày….. tháng…. năm….*

**BẢN THUYẾT MINH**

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: ..............................................................................

2. Mã số (nếu có): .......................................................................................................

3. Địa chỉ: ...................................................................................................................

4. Điện thoại: ………………….. Fax: ……………………. Email: .........................

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước                                □        DN 100% vốn nước ngoài     □

DN liên doanh với nước ngoài       □        DN Cổ phần                          □

DN tư nhân                                   □        Khác                                     □

                                                              (ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động: ..........................................................................................

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .........................................

8. Công suất thiết kế: ..................................................................................................

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): ....................................

10. Thị trường tiêu thụ chính: ........................................................................................

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh | Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh | Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì |
| Tên nguyên liệu/ sản phẩm | Nguồn gốc/ xuất xứ |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

**III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh ………………m2 , trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : …………………….m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : …………………………………..m2

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : …………………………………..m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: …………………………….m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : ……………………………..m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thiết bị | Số lượng | Nước sản xuất | Tổng công suất | Năm bắt đầu sử dụng |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng   □                                Nước giếng khoan      □

Hệ thống xử lý:      Có   □                                Không                        □

Phương pháp xử lý: ……………………………………………………..

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất      □                                                  Mua ngoài         □

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: ……………………………………………

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý: ………………………………………..………

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: …………………người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: …………………người.

+ Lao động gián tiếp: …………………người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức ve ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ……….người; trong đó ….. của cơ sở và …. đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hóa chất | Thành phần chính | Nước sản xuất | Mục đích sử dụng | Nồng độ |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,….)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở □                             Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích: ………..

……………………………………………………..……………………………………

- Thuê ngoài □                           Tên những PKN gửi phân tích: ………………………

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)* |